CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44/2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về nguyên tắc, biện pháp, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại được quy định tại Điều 163 Luật Thi hành án hình sự.

2. Việc cưỡng chế thi hành hình phạt tiền quy định tại Điều 77, biện pháp tư pháp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự đối với pháp nhân thương mại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Pháp nhân thương mại không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu (sau đây gọi là cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền), cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thi hành cưỡng chế.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

2. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại, nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thi hành án không quá thời hạn chấp hành hình phạt theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; thời hạn bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp được xác định khi biện pháp tư pháp được thi hành xong.

4. Pháp nhân thương mại có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp cưỡng chế trong cùng một thời điểm nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành án.

5. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có liên quan trong cưỡng chế thi hành án.

Điều 4. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

Biện pháp cưỡng chế thi hành án áp dụng đối với pháp nhân thương mại gồm:

1. Phong tỏa tài khoản.

2. Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bảo đảm thi hành cưỡng chế biện pháp tư pháp (kê biên tài sản).

3. Tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại.

Điều 5. Lập biên bản việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật

1. Trong quá trình kiểm tra, giám sát chấp hành án của pháp nhân thương mại phát hiện pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại lập biên bản về việc pháp nhân thương mại không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án với sự chứng kiến của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại không có mặt hoặc từ chối ký vào biên bản thì phải ghi rõ vào biên bản và vẫn tiến hành lập biên bản.

2. Biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; căn cứ lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; tên, địa chỉ, mã số thuế của pháp nhân thương mại; kết quả chấp hành án của pháp nhân thương mại; ý kiến của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

3. Biên bản nêu tại khoản 1 Điều này là một trong những căn cứ để cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

Điều 6. Gửi quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải gửi quyết định cưỡng chế cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có liên quan, pháp nhân thương mại, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác có liên quan; trường hợp thi hành biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 2 và 3 Điều 4 Nghị định này thì quyết định cưỡng chế còn phải được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản kê biên hoặc nơi có tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử bị tạm giữ hoặc nơi có con dấu bị tạm giữ hoặc thu hồi trước khi thi hành 03 ngày làm việc để phối hợp thực hiện.

Điều 7. Triệu tập, thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại chấp hành án đến trụ sở để thông báo quyết định cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Khi được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền triệu tập, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải có mặt, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại được triệu tập hợp lệ mà không có mặt theo giấy triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập biên bản về việc vắng mặt, có chứng kiến, xác nhận của đại diện chính quyền địa phương và được coi là đã được thông báo việc thi hành quyết định cưỡng chế.

Điều 8. Cưỡng chế trong trường hợp chuyển giao nghĩa vụ thi hành án đối với pháp nhân thương mại tổ chức lại

Trường hợp pháp nhân thương mại đang phải chấp hành quyết định cưỡng chế thi hành án mà được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì pháp nhân thương mại

kế thừa các quyền và nghĩa vụ của pháp nhân thương mại chấp hành án có trách nhiệm tiếp tục thực hiện quyết định cưỡng chế của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; công bố ngay các quyết định liên quan được ban hành trong quá trình thực hiện cưỡng chế trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế; công bố ngay trên cổng thông tin, trang điện tử của cơ quan, tổ chức mình các quyết định được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ban hành trong quá trình cưỡng chế khi nhận được.

3. Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có trách nhiệm đăng các quyết định được cơ quan thi hành án có thẩm quyền ban hành trong quá trình cưỡng chế lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi nhận được.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỠNG CHẾ

Mục 1
PHONG TỎA TÀI KHOẢN

Điều 10. Căn cứ ra Quyết định phong tỏa tài khoản

Việc ra Quyết định phong tỏa tài khoản căn cứ vào:

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

3. Pháp nhân thương mại chấp hành án có tài khoản tại các tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là tài khoản).

4. Tài liệu xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại.

Điều 11. Trường hợp áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản

Biện pháp phong tỏa tài khoản có thể được áp dụng trong các trường hợp sau:

1. Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn (trong trường hợp đình chỉ tất cả các lĩnh vực).

2. Thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành hình phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định (trong trường hợp cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong tất cả các lĩnh vực); cấm huy động vốn.

3. Thi hành cưỡng chế chấp hành biện pháp tư pháp.

Điều 12. Xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản yêu cầu tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại theo quy định của pháp luật. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp và chỉ được sử dụng thông tin đó theo quy định của pháp luật.

2. Pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản về tên tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi mở tài khoản, số tài khoản của pháp nhân thương mại tại tổ chức đó và các thông tin khác về tài khoản khi có yêu cầu.

Điều 13. Ra Quyết định và gửi Quyết định phong tỏa tài khoản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh thông tin về tài khoản của pháp nhân thương mại, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định phong tỏa tài khoản.

Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 11 Nghị định này thì ra quyết định phong tỏa toàn bộ tài khoản; đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này thì ra quyết định phong tỏa số tiền hoặc số chứng khoán trong tài khoản tương ứng với số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

2. Quyết định phong tỏa tài khoản bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại bị phong tỏa tài khoản; số tài khoản phong tỏa, mục đích phong tỏa, tên tài khoản bị phong tỏa, phạm vi phong tỏa, số tiền hoặc số chứng khoán phong tỏa, thời điểm bắt đầu phong tỏa, thời gian phong tỏa, trách nhiệm thực hiện của tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thông tin khác (nếu có); chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

3. Việc gửi, thông báo Quyết định phong tỏa tài khoản thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định phong tỏa tài khoản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thì tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nơi pháp nhân thương mại có tài khoản có trách nhiệm thực hiện việc phong tỏa tài khoản theo Quyết định phong tỏa tài khoản.

2. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho pháp nhân thương mại là chủ tài khoản bị phong tỏa về việc phong tỏa tài khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản kết quả thực hiện cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho pháp nhân thương mại.

Điều 15. Khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán trong tài khoản chứng khoán

1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại để bảo đảm việc thi hành biện pháp tư pháp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự.

2. Số tiền khấu trừ không được vượt quá số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

3. Ngay sau khi nhận được quyết định về khấu trừ tiền trong tài khoản của pháp nhân thương mại phải thi hành biện pháp tư pháp thì tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại, công ty chứng khoán nơi pháp nhân thương mại mở tài khoản chứng khoán phải khấu trừ tiền trong tài khoản và chuyển cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để tổ chức cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp.

4. Việc đảm bảo thi hành biện pháp tư pháp trong trường hợp pháp nhân thương mại có chứng khoán trong tài khoản chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Chấm dứt phong tỏa tài khoản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày pháp nhân thương mại chấp hành xong bản án, quyết định của Tòa án hoặc ngay sau khi cơ quan, tổ chức đã thực hiện xong yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về khấu trừ tiền, xử lý chứng khoán trong tài khoản của pháp nhân thương mại thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải chấm dứt phong tỏa tài khoản.

Việc chấm dứt phong tỏa tài khoản phải bằng quyết định của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

2. Sau khi ra Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải gửi tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại để thi hành Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản.

3. Tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đang quản lý tài khoản của pháp nhân thương mại thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản ngay khi nhận được Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản và thông báo bằng văn bản việc chấm dứt phong tỏa tài khoản cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và pháp nhân thương mại đang chấp hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt phong tỏa tài khoản.

4. Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản còn được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Mục 2
KÊ BIÊN TÀI SẢN

Điều 17. Căn cứ ra Quyết định kê biên tài sản

Việc ra Quyết định kê biên tài sản căn cứ vào:

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Pháp nhân thương mại chấp hành án không có tài khoản hoặc số tiền trong tài khoản tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, công ty chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam không đủ để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp.

4. Tài liệu xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại.

Điều 18. Trường hợp áp dụng biện pháp kê biên tài sản

Biện pháp kê biên tài sản được áp dụng để bảo đảm việc cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 82 Bộ luật Hình sự.

Điều 19. Xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại

1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

Điều 20. Tài sản không được kê biên

1. Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức.

2. Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động.

3. Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh.

4. Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.

Điều 21. Kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp

1. Trường hợp pháp nhân thương mại không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự có quyền kê biên, xử lý tài sản của pháp nhân thương mại đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án.

2. Trước khi tổ chức thi hành kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp ít nhất 02 ngày, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải thông báo cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp.

Điều 22. Kê biên tài sản của pháp nhân thương mại đang do người thứ ba giữ

1. Trường hợp xác định người thứ ba đang giữ tài sản của pháp nhân thương mại, kể cả trường hợp tài sản được xác định bằng bản án, quyết định khác thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định kê biên tài sản đó; trường hợp người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì cơ quan thi

hành án hình sự có thẩm quyền cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án.

2. Trường hợp tài sản kê biên đang cho thuê thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết.

Điều 23. Kê biên vốn góp

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi pháp nhân thương mại có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của pháp nhân thương mại để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của pháp nhân thương mại; trưng cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của pháp nhân thương mại để cưỡng chế thi hành án.

Điều 24. Kê biên phương tiện giao thông

1. Trường hợp kê biên phương tiện giao thông của pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu pháp nhân thương mại, người đang quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện đó, nếu có.

2. Cơ quan thi hành án hình sự có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên.

3. Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển.

Điều 25. Kê biên, sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ

1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định kê biên quyền sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu của pháp nhân thương mại.

Trường hợp pháp nhân thương mại là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì quyền sở hữu trí tuệ vẫn bị kê biên.

2. Khi kê biên quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại, tùy từng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thu giữ các giấy tờ có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại.

3. Trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và lợi ích của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật sở hữu trí tuệ mà Nhà nước quyết định chủ sở hữu trí tuệ phải chuyển giao quyền của mình cho cơ quan,

tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền không được kê biên quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại trong thời gian bắt buộc phải chuyển giao.

4. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền quyết định giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phải nộp số tiền thu được sau khi trừ các chi phí cần thiết cho cơ quan thi hành án hình sự để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp.

Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp về sở hữu trí tuệ thu và quản lý thu nhập, lợi nhuận từ việc sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ của pháp nhân thương mại.

5. Trường hợp pháp nhân thương mại đã chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà chưa được thanh toán hoặc mới được thanh toán một phần tiền thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao nộp khoản tiền chưa thanh toán để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp.

Điều 26. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Khi kê biên quyền sử dụng đất, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu pháp nhân thương mại, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp các giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền. Quyền sử dụng đất của pháp nhân thương mại bị kê biên phải thuộc trường hợp được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Khi kê biên quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của pháp nhân thương mại thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp đất của pháp nhân thương mại có tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó thuộc quyền sở hữu của người khác thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chỉ kê biên quyền sử dụng đất và thông báo cho người có tài sản gắn liền với đất.

3. Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.

4. Sau khi kê biên, cơ quan thi hành án hình sự thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản đó.

Cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm có trách nhiệm tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của pháp nhân thương mại đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

Điều 27. Kê biên tài sản gắn liền với đất

Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.

Điều 28. Ra Quyết định và gửi Quyết định kê biên tài sản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xác minh thông tin về tài sản của pháp nhân thương mại, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định kê biên tài sản.

2. Quyết định kê biên tài sản bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại bị kê biên tài sản; số tiền, tài sản cần kê biên; địa điểm kê biên; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

3. Việc gửi, thông báo Quyết định kê biên tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.

Điều 29. Tổ chức thi hành kê biên tài sản

1. Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày, thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ, trừ các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.

2. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì thực hiện việc kê biên.

3. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên, đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên và người chứng kiến. Trường hợp được triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản kê biên vắng mặt thì vẫn tiến hành kê biên tài sản và lập biên bản về việc vắng mặt, có chứng

kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên, đại diện cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại.

4. Chỉ được kê biên tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế tương ứng với số tiền để thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

5. Chỉ kê biên những tài sản của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đồng sở hữu với người khác nếu không đủ để thi hành Quyết định kê biên tài sản. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu biết. Hết thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 30. Biên bản kê biên tài sản

1. Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị kê biên tài sản, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp của họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương nơi có tài sản bị kê biên; mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.

2. Đại diện cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, tổ chức, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp của họ, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản. Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

3. Biên bản kê biên được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.

Điều 31. Giao bảo quản tài sản kê biên

1. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện kê biên tài sản lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

a) Giao cho pháp nhân thương mại hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;

b) Giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản;

c) Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung.

2. Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với các tài sản khác thì tùy từng trường hợp cụ thể sẽ tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý.

3. Khi giao bảo quản tài sản kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian bàn giao bảo quản; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản và phải được ký đảm bảo vào phần cuối của từng trang biên bản.

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, người được giao bảo quản tài sản, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện kê biên mỗi người giữ 01 bản.

4. Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hoặc hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Định giá tài sản kê biên

1. Việc định giá tài sản đã kê biên được tiến hành tại trụ sở của pháp nhân thương mại bị kê biên hoặc nơi lưu giữ tài sản bị kê biên, trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc việc định giá do tổ chức thẩm định giá thực hiện.

2. Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, cơ quan thi hành

án hình sự có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá. Hội đồng định giá tài sản gồm có Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập Hội đồng định giá hoặc kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá, Hội đồng định giá tài sản, tổ chức thẩm định giá phải tiến hành việc định giá. Việc định giá tài sản dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.

3. Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, phương pháp tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.

Điều 33. Chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá

1. Đối với tài sản bị kê biên để bán đấu giá, giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ký hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để bán đấu giá; trường hợp không ký được hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thì thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Việc bán đấu giá tài sản bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Sau khi đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tiến hành chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá. Việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ: Thời gian bàn giao; người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: Quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó.

3. Trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa cồng kềnh hoặc có số lượng lớn mà cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng

bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.

4. Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán cho người đồng sở hữu trước.

5. Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền để bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp và chi phí cho việc cưỡng chế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho pháp nhân thương mại bị cưỡng chế và được lập thành biên bản giao nhận.

Điều 34. Chuyển giao quyền sở hữu tài sản

1. Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:

a) Bản sao Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá;

b) Biên bản bán đấu giá tài sản;

c) Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).

Mục 3

TẠM GIỮ TÀI LIỆU, CHỨNG TỪ, THIẾT BỊ CHỨA DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ; TẠM GIỮ HOẶC THU HỒI CON DẤU CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Điều 35. Căn cứ ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại

Việc ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu căn cứ vào:

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

2. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 36. Trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử; tạm giữ hoặc thu hồi con dấu

1. Tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại có thể được áp dụng trong trường hợp thi hành cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn; cấm kinh doanh, cấm

hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Chỉ tạm giữ những tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử liên quan đến lĩnh vực hoạt động của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại được áp dụng trong trường hợp thi hành cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

Điều 37. Ra Quyết định và gửi Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại.

2. Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại bao gồm những nội dung cơ bản sau: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị của người ra quyết định; tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, mã số thuế của pháp nhân thương mại; tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử bị tạm giữ, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ hoặc thu hồi; địa điểm tạm giữ hoặc thu hồi; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

3. Việc gửi, thông báo về Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.

Điều 38. Tổ chức thi hành Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại

1. Chuẩn bị thực hiện tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu của pháp nhân thương mại

a) Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước khi được tạm giữ hoặc thu hồi cần phải tiến hành niêm phong;

b) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện việc niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con

dấu của pháp nhân thương mại và mời đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức niêm phong chứng kiến.

c) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại phải chỉ đạo chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện cần thiết để phục vụ cho việc niêm phong.

2. Thực hiện niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại

a) Kiểm tra để mô tả cụ thể, đầy đủ, chính xác thực trạng tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại vào biên bản niêm phong;

b) Đóng gói hoặc đóng kín tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại cần niêm phong;

c) Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức niêm phong. Những người nêu trên phải ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) vào giấy niêm phong (viết hoặc điểm chỉ bằng mực khó phai);

d) Dán giấy niêm phong

Đối với tài liệu, chứng từ thì phải dán giấy niêm phong đè lên những phần có thể mở được để lấy tài liệu, chứng từ hoặc có thể tác động làm thay đổi tính nguyên vẹn của tài liệu, chứng từ.

Đối với thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại thì phải dán giấy niêm phong đè lên những phần quan trọng có tính xác định nguồn gốc, xuất xứ.

Tùy từng trường hợp cụ thể, phải có hình thức bảo vệ giấy niêm phong cho phù hợp với điều kiện vận chuyển và bảo quản;

đ) Kết thúc niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập biên bản niêm phong. Biên bản phải mô tả đúng số lượng, đặc điểm, thực trạng của tài liệu, chứng

từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước và sau khi niêm phong, có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) của người tổ chức thực hiện, tham gia niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản đưa vào hồ sơ thi hành án và 01 bản giao cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại từ chối ký vào biên bản, giấy niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải ghi vào biên bản.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi đã được thông báo nhưng không có mặt, thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền vẫn tổ chức thực hiện niêm phong, tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, tạm giữ hoặc thu hồi con dấu nhưng phải ghi rõ vào biên bản.

3. Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị niêm phong, tạm giữ hoặc thu hồi được lưu giữ tại cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và phải đảm bảo tính nguyên vẹn trong suốt quá trình tạm giữ.

Tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử của pháp nhân thương mại được niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền và người tham gia niêm phong có trách nhiệm bảo mật.

Điều 39. Chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày pháp nhân thương mại chấp hành xong bản án, quyết định của tòa án, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền đã ra Quyết định tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại phải chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu. Việc chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu phải bằng Quyết định của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

2. Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu phải được gửi cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại có tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu bị tạm giữ. Việc mở niêm phong thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định này.

3. Sau khi ra Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại đã bị tạm giữ.

4. Quyết định chấm dứt tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu còn được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 40. Trình tự, thủ tục mở niêm phong để bàn giao tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại bị tạm giữ

1. Chuẩn bị mở niêm phong

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chủ trì tổ chức thực hiện mở niêm phong phải thông báo cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại và đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại và đại diện chính quyền địa phương nơi mở niêm phong.

2. Thực hiện mở niêm phong

a) Kiểm tra niêm phong của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại trước khi mở niêm phong;

b) Gỡ giấy niêm phong và mở tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại được đóng gói hoặc được đóng kín.

Gỡ giấy niêm phong đối với tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại không được đóng gói hoặc không được đóng kín;

c) Kiểm tra tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại sau khi mở niêm phong.

3. Kết thúc mở niêm phong

Khi kết thúc mở niêm phong phải lập biên bản; biên bản mở niêm phong phải mô tả đúng tình trạng niêm phong trước khi mở, thực trạng của tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại sau khi mở niêm phong và có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm theo chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người trực tiếp chủ trì, người tham gia mở niêm phong. Biên bản do cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện mở niêm phong lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho

người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại, 01 bản đưa vào hồ sơ thi hành án.

Trường hợp kiểm tra niêm phong không còn nguyên vẹn, phải lập biên bản về tình trạng niêm phong tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử của pháp nhân thương mại, thực trạng của các tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại để xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi kết thúc mở niêm phong thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải bàn giao các tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử, con dấu của pháp nhân thương mại. Việc bàn giao phải được lập biên bản có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm theo chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người trực tiếp chủ trì, người tham gia mở niêm phong theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

Chương III
BẢO ĐẢM THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ VÀ CHI PHÍ CƯỠNG CHẾ

Điều 41. Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế

1. Khi có Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, nếu có dấu hiệu cho thấy pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi tẩu tán hoặc làm hư hại tài sản thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan, chính quyền địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc nơi có tài sản thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn việc tẩu tán hoặc làm hư hỏng tài sản.

2. Trường hợp pháp nhân thương mại bị cưỡng chế có hành vi chống đối không thực hiện quyết định cưỡng chế thì cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền có quyền huy động lực lượng, phương tiện để bảo đảm thi hành cưỡng chế.

3. Để bảo đảm cưỡng chế thi hành biện pháp tư pháp, sau khi khấu trừ tiền trong tài khoản, xử lý chứng khoán, bán đấu giá tài sản kê biên, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền sẽ thuê khoán cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp thực hiện các biện pháp tư pháp theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Việc thuê khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 42. Chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế để bảo đảm thi hành

1. Trường hợp pháp nhân thương mại bị cưỡng chế ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định cưỡng chế tại nơi thực hiện hành vi vi phạm thì quyết định cưỡng chế được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế cùng cấp nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản để tổ chức thi hành.

2. Cơ quan chuyển việc thi hành cưỡng chế có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cho cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản để tổ chức thi hành.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo chuyển và hồ sơ vụ việc, cơ quan cùng cấp ở địa phương nơi pháp nhân thương mại bị cưỡng chế đóng trụ sở hoặc có tài sản có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế và thông báo kết quả cho cơ quan đã chuyển.

Điều 43. Xác định chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng địa phương.

2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:

a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế;

b) Chi phí thù lao cho người định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản;

c) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;

d) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên;

đ) Chi phí chuyển việc thi hành quyết định cưỡng chế;

e) Chi phí thực hiện biện pháp tư pháp;

g) Chi phí thực tế khác (nếu có).

Điều 44. Tạm ứng, hoàn trả và thanh toán chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của pháp nhân thương mại bị cưỡng chế.

2. Pháp nhân thương mại bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

Điều 46. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc